

Bản án số: 262/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30/12/2022

V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Trường.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bích Liên.

Bà Dương Thị Kim Hồng.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:**
Bà Phạm Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 306/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 339/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 222/2022/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2022, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị **Ngô Thị T**, sinh ngày 13/8/1991.

ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Xóm B, thôn V, xã C, huyện G, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn A**, sinh ngày 14/01/1990.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Xóm B, thôn V, xã C, huyện G, tỉnh Hải Dương. Hiện đang cư trú tại: Đài Loan.

(Chị T vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh A vắng mặt, có quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị **Ngô Thị T** trình bày: Chị và anh **Nguyễn Văn A** được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện G, tỉnh Hải Dương vào ngày 02/02/2017. Quá trình chung sống đến tháng 8/2017 thì anh A đi lao động tại Đài Loan. Thời gian đầu anh A vẫn liên lạc gọi điện về cho chị. Do mâu thuẫn với bố mẹ chồng về kinh tế, anh A không hiểu chuyện, bênh vực

bố mẹ nên chửi đuổi chị ra khỏi nhà, do mỗi người ở một nơi nên mâu thuẫn vợ chồng không được giải quyết, tháng 8/2018 chị đã về nhà bố mẹ để ở cho đến nay, vợ chồng không quan tâm đến nhau và đã sống ly thân từ lâu, tình cảm vợ chồng không còn, chị đã nói chuyện về việc ly hôn, anh A cũng nhất trí. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn A.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là C1, sinh ngày 11/8/2017, hiện con đang ở với chị T. Chị T đề nghị được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến khi con thành niên và tự nguyện không yêu cầu anh A phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị xác định vợ chồng không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Nguyễn Văn T1 (là bố đẻ anh A) trình bày: Ông không biết địa chỉ cụ thể của anh A ở nước ngoài nên không cung cấp cho Tòa án được. Tuy nhiên anh A vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình qua điện thoại, ông đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và có trách nhiệm thông báo cho anh A biết. Thông qua gia đình anh A trình bày anh đã khuyên bảo chị T nhiều lần nhưng chị T vẫn cương quyết xin ly hôn nên anh nhất trí. Anh A xác định vợ chồng có 01 con chung như chị T trình bày là đúng, anh nhất trí để chị T được nuôi dưỡng con chung cho đến khi con thành niên, chị T không yêu cầu anh phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung, anh nhất trí. Vợ chồng không có tài sản chung cũng như không có nợ chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án xác minh tại chính quyền địa phương nơi chị T, anh A đăng ký kết hôn và sinh sống thể hiện: Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại gia đình nhà chồng, quá trình chung sống vợ chồng được một thời gian ngắn thì anh A đi lao động ở nước ngoài, sau đó chị T về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng mỗi người ở một nơi, không quan tâm, chia sẻ với nhau. Nay chị T có đơn xin ly hôn, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị Ngô Thị T ly hôn anh Nguyễn Văn A. Về con chung: Giao con chung C1 cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Anh A không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Chị T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Ngô Thị T sinh sống ở Việt Nam, bị đơn anh Nguyễn Văn A có nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh tại xóm B, thôn V, xã C, huyện G, tỉnh Hải Dương, hiện anh A đang lao động tại Đài Loan. Do vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị T không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh A ở Đài Loan. Tòa án đã đề nghị gia đình anh A cung cấp địa chỉ nhưng gia đình không cung cấp được. Tòa án cũng tổng đạt các văn bản tố tụng cho người thân trong gia đình anh A và gia đình đã thông báo cho anh A biết việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị T và anh A, đồng thời Tòa án tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định. Tại phiên tòa lần thứ hai chị T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, thông qua gia đình anh A có quan điểm đề nghị giải quyết vắng mặt. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị T và anh Nguyễn Văn A kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện G, tỉnh Hải Dương vào ngày 02/02/2017 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng đến tháng 8/2017 anh A xuất cảnh đi lao động tại Đài Loan, chị T ở với bố mẹ chồng và có xảy ra mâu thuẫn với bố mẹ chồng về kinh tế, anh A không biết rõ nguyên nhân nhưng lại bênh vực bố mẹ và chửi đươi chị T đi. Tháng 8/2018 chị T đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở, từ đó vợ chồng không liên lạc và không quan tâm đến nhau. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh A. Thông qua gia đình anh A trình bày anh và gia đình đã khuyên bảo chị T nhiều lần, nhưng chị T không nghe, nay anh cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn và nhất trí ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh A đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị T ly hôn anh A là phù hợp với quy định tại Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị Ngô Thị T và anh Nguyễn Văn A có 01 con chung là C1, sinh ngày 11/8/2017, hiện con đang ở với chị T. Chị T và anh A thống nhất: chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi con thành niên. Hội đồng xét xử xét thấy, thỏa thuận của anh chị phù hợp với thực tế và phù hợp với các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh A phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T, anh A xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Ngô Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51; 56; 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Ngô Thị T ly hôn anh Nguyễn Văn A.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao cho chị Ngô Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là C1, sinh ngày 11/8/2017 cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị T tạm thời không yêu cầu anh A phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản, nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Chị Ngô Thị T phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân gia đình và được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp, theo biên lai thu số AA/2021/0001728 ngày 21 tháng 10 năm 2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị T đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Ngô Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn Văn A được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã C, huyện G, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Trường
(Đã ký)